



CÀNH HỒNG TRƯỚC GIÓ

Riêng cho những bà VỢ TÙ CỘNG SẢN.

Tân Lê Trân.

Năm 16 tuổi, lứa tuổi ô mai đầy ấp mộng mơ, với những con dốc dài lên xuống, những đồi thông bạt ngàn luôn vi vu trước gió, những vườn hoa sắc sỡ muôn màu của vòm trời Đà Lạt, ngày ngày cắp sách đến trường, đêm đêm cặm cụi bên những công thức toán học, những bài văn vật khô khan... Anh đã đến với tôi đúng thời gian đó, như một định mệnh, như một món nợ ân tình tôi đã mắc anh từ tiền kiếp, hình bóng anh như một phép màu vạn năng, đã đem vào những giấc ngủ êm đềm

của tôi bao mộng đẹp, đã là mãnh lực buộc tôi phải dành hết thì giờ hàng đêm cho những bức thư tình đầy ấp nhớ thương... đã biến tâm hồn đang trong trắng vô tư của tôi thành những chiều muốn hướng đôi mắt vào bầu trời xa xăm, để thấy những cụm mây bàng bạc thiên hình vạn trạng bay vô định trong không gian, rồi tự hỏi: tình yêu là gì và có bỗng bèn như ánh mây kia không???

Anh vốn xuất thân từ Thiếu Sinh Quân, một ngôi trường mà thời điểm đó, tôi không có một khái niệm rõ ràng, nó ra sao? ở đâu? trường công hay tư? tại sao có nó v.v... Nghe tiếng “quân”, tôi đoán là dành riêng cho “lính”, vậy thôi!!! Năm đó anh đang học năm thứ nhất Võ Bị Đà Lạt, hình ảnh một thanh niên tâm thước, nét mặt cương nghị trong bộ quân phục dạo phố mùa đông màu olive, với nụ cười dễ thương như vô tư như mời gọi, với ánh mắt trong sáng như tàn ngân như thăm nói bao điều... đã đánh gục cái nhìn “nửa con mắt” vốn tôi dành cho vài chàng hay lão đẹo theo chân... đã bám vào trí nhớ tôi như vết sẹo bám vào da. Tôi đã không còn đủ can đảm rút tay về trong năm ngón tay nóng ẩm của anh trong lần anh đưa tôi vào vườn hoa Đà Lạt. Tôi cũng đã không đủ sáng suốt để tránh nụ hôn đầu đời con gái trước đôi môi quyến rũ và lời tỏ tình dạt dào vị ngọt của anh...

Chúng tôi có nhau từ dạo đó.

Tình yêu chúng tôi đến tự nhiên như cây cỏ, hoà quyện như bướm với hoa, như mây trời bốn mùa mưa nắng. Những ngày cuối tuần tay trong tay dưới mưa phùn Đà Lạt, những lần hẹn hò trên đồi Cù có tiếng thông vi vu thay lời tình tự, những ngày vắng nhau, tôi âu yếm gợi cho anh những đóa hồng nhung, những cành pensée tím.

Kỷ niệm thật nhiều biết nói sao cho hết...

Có đôi tình nhân nào mà không muốn đưa nhau đến bờ hạnh phúc? Có kẻ yêu nhau nào mà không khắc khoải nhớ nhung? Có đôi trai gái nào mà không dệt mộng xây mơ??? Tôi già từ bảng đen phấn trắng, rời đám bạn học trò từng nhờn nhờn ào

chia nhau từng cây kẹo ngọt, từng trái me chua, để bắt đầu cuộc đời làm dâu làm vợ, sau ngày anh tốt nghiệp và trở thành người lính xe tăng của QL/VNCH.

Ai có chồng hay người yêu là lính trận sẽ dễ dàng thông hiểu tâm trạng của chinh phụ hóa đá, với tháng ngày khắc khoải ôm con chờ chồng. Chồng tôi đi biệt vào nơi gió cát núi rừng, đôi ba tháng mới một lần vội ghé nhà thăm vợ hôn con, khi nổi nhớ thương chất ngất, nhiều lần tôi liệu mình thăm Nhà tôi tại vị trí đóng quân ở tuyến đầu, đời lính trận xa lạ với chăn ấm nệm êm, hiếm hoi với cơm lành canh ngọt... Tôi đã hạnh phúc đến tội nghiệp bên chồng với những nắm cơm gạo sây trắng tinh mà lạt thêch, những miếng thịt hộp nướng than khô rang mặn mặn... Mà tôi cảm nhận như mình đã chấp nhận và mãn nguyện với những bữa ăn đạm bạc này từ ngày yêu anh còn là người lính quân trường và sẽ là một lính trận.

Đêm đêm, từng tiếng đại bác vọng về, từng ánh hỏa châu vàng vọt trong trời đêm thăm thẳm, từng tràng đạn vu vơ... đã đánh thức những giấc ngủ vốn không trọn vẹn của tôi, nỗi cô đơn tràn đầy trong căn phòng trống vắng không sâu đậm bằng nỗi buồn lo cho nguồn bất hạnh một ngày kia, viên đạn vô tình biến mình thành quả phụ. Kinh Phật giảng là người Phật tử phải bố thí “ba la mật” mới tạo được nghiệp lành, tôi là một Phật tử, nhưng thật tình tôi không đủ tinh tấn để thực hành đúng đắn lời Phật dạy, mà tôi đã thực hành hạnh bố thí, từ người hành khất đến các trại mồ côi hay cúng dường nhà chùa... với lòng khắc khoải cầu xin cho chồng tôi được ân đức trở về bình yên trong chiến trận ngút trời vùng hỏa tuyến: Hạ Lào, Khe Sanh, Lao Bảo, Đông Hà, Cửa Việt, Quảng Trị mùa hè đỏ lửa, Quảng Trị tái chiếm cổ thành v.v...

■ ■ ■ ■

Đội ơn Trời Phật, dù những vết sẹo đã mãi hằn trên da, dù vài mảnh đạn mãi mang trong người, nhưng chồng tôi đã lành lặn sau cuộc chiến... Nhưng không trở về với tôi, với các con, mà trở về... với trại tù Cộng Sản sau ngày mất miền Nam, để

trở thành NGƯỜI TÙ KHỔ SAI KHÔNG BẢN ÁN - Tôi đã không trở thành quả phụ, nhưng đã mang kiếp thân cò trong xã hội mới đầy bất công thù hận của kẻ thắng trận, tảo tần mọi nẻo lo nuôi con, nuôi mẹ già, thăm nuôi chồng... Gánh nặng oằn vai đột nhiên đặt lên tâm thân gầy guộc của người đàn bà 26 tuổi đời vốn chỉ học hành, lấy chồng, theo chồng, như một người đang sáng, đột nhiên bị mù lòa mà phải lần mò tự tìm đường đi trong đêm tối. Hoàn cảnh chung của nhiều vợ Sĩ quan VNCH trước cuộc đổi đời bất chợt, như quả bong bóng đang căng phồng bỗng nổ tung, như cánh diều đang vi vu trong gió đột nhiên bị tuột dây bay vào không gian vô định... Bây giờ trong kiếp người vợ tù, tôi đang phải đối đầu trước những thách thức không cân xứng, một bên là cạm bẫy lừa lọc của cuộc đời, một bên là nàng Tô Thị từng bồng con ngóng chồng ngoài chiến tuyến mà vốn xuất thân từ một cô học trò khù khờ vô tư, nhìn đời với đôi mắt màu hồng. Một bên là một xã hội mới, xã hội của những kẻ hung ác vô đạo đầy hận thù (xã hội chủ nghĩa), một bên vốn được lớn lên học hành trong một xã hội tự do nhân bản. Tôi lo âu, biết làm gì để nuôi thân, nuôi con, nuôi mẹ già. Vậy mà, đúng là “trời sinh trâu thì sinh cỏ - cùng tất biến, biến tất thông”, như cá sấu mẹ đẻ trứng trên bờ rồi bỏ đó, sau khi nở, cá sấu con tự động theo bản năng bò về hướng có sông có suối để sinh tồn. Tôi cũng vậy, như một phép màu, nuôi con khôn lớn theo bản năng của người mẹ trong tình mẫu tử, thăm nuôi tiếp tế cho chồng suốt 10 năm tù theo bản năng của người vợ trong tình yêu.

Đầu tháng 4 năm 1975, chồng tôi vào tù tại Đà Nẵng, chúng chuyển đi nơi nào biệt vô âm tín. Trong nỗi chơi voi chồng mình không mất vì chiến trận mà sẽ bị Việt Cộng thủ tiêu như tét Mậu Thân ở Huế... dù chẳng út 3 tháng đang khát sữa, con gái đầu 3 tuổi cố nhào ra khỏi vòng tay bà nội khóc tức tưởi đòi mẹ, và nhà cửa đang bị niêm phong... tôi đã bương chải tìm kiếm khắp nơi, với một ý nguyện, dù chúng giết thì cũng tìm được xác chồng để chôn cất... Mãi gần tháng sau, mất Sài-gòn mới biết những Sĩ quan QL/VNCH, hầu hết thuộc các đơn

vị QĐI không thể thoát vào Nam, bị gom đi “học tập”, đang bị giam giữ ở huyện Điện Bàn Quảng Nam. Làm sao tôi quên được lần đầu tiên gặp anh sau ngày nước mất nhà tan! Như vắn nạn đã vắn vào người, nụ cười Nhà tôi vẫn có trên môi, ánh mắt Nhà tôi vẫn nhìn đắm đuối... nhưng sao mang nặng u hoài, u hoài cho đất nước điêu linh, cho mộng ước không thành, hay cho người vợ trẻ đại khờ với hai đứa con thơ đang bơ vơ trước cuộc đời, như con thuyền giữa biển khơi trong bão táp không biết bến bờ? Có lẽ là tất cả!!! Nhìn lại phận mình, em yêu đuối kém cõi lắm, chẳng có gì ngoài một tình yêu chất ngất cho anh, ngoài lòng trung trinh của tình chồng nghĩa vợ, dù trước bao nghịch cảnh, em hứa sẽ xứng đáng là người vợ chung thủy của anh, người mẹ tròn trách nhiệm nuôi dạy các con nên người.

• • • •

Trong đời, kỷ niệm vui dễ qua mau nhưng kỷ niệm buồn thật khó phai mờ. Đã bao năm qua rồi mà sao những hình ảnh đau thương nhọc nhằn của cuộc đời làm vợ lính, làm vợ tù, cứ hiện rõ trong ký ức tôi như mới năm trước, mới tháng trước, mới hôm qua đây thôi...

Sau hai năm đời đời đầy chua cay mặn đắng, cuộc sống luôn bấp bênh bên bờ vực thẳm, căn nhà chúng tôi ở An Hải Đà Nẵng bị “chính quyền cách mạng” tịch thu, với lý do: nhà sĩ quan Ngụy mang nợ máu với nhân dân; đành đem hai con về Huế nương tựa nhà cha mẹ, thì được tin như sét đánh ngang tai, Nhà tôi đã tổ chức vượt trại giam ra đi. Ôi! bầu trời như sụp đổ, mắt mở to mà như đang chìm trong bóng tối mênh mông. Anh ơi! yêu anh, em biết anh luôn áp ủ nếp sống đúng đạo người quân tử: “Phú quý bất năng dâm - Bần tiện bất năng di - Uy vũ bất năng khuất”, em cũng hãnh diện và quý trọng người chồng sống hiền ngang và có lý tưởng như anh, nhưng em là phận nữ nhi, vốn chỉ là một cô gái nhút nhát, một người đàn bà tầm thường, em ích kỷ, trong đời chỉ cần có anh thôi, mắt anh là mắt tất cả. Anh ơi bây giờ anh ở đâu? Liệu anh có tồn tại được giữa núi rừng bạt ngàn và muôn loài dã thú? Và rồi, nếu anh

chết, biết nắm xương tàn của anh chôn nào mà chôn cất thờ phụng? Bao nỗi đau thương đã đánh quy tâm hồn đang khắc khoải của tôi, ngày ngày ru con mà nước mắt tuôn trào, đêm đêm thấp nhang khẩn nguyện: Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, xin ơn trên độ trì cho Nhà tôi, dù đang nơi đâu cũng được an lành để tôi không mất chồng, con tôi không mất cha, và tình yêu chúng tôi bền chặt như hai đũa đã từng ước nguyện... Người ta nói: “Hữu sự thì vái tứ phương”, tôi cùng mẹ chồng đi khắp chùa đình miếu vũ, cầu nguyện, xin xăm, bói quẻ v.v... Trong khói nhang nghi ngút, hai mẹ con sụp lạy liên hồi không mệt mỏi.

Có lẽ Trời cao đã động lòng trước tâm thành khẩn nguyện, nên khi nhóm 5 người vượt trại bị phục kích bắn chết và bị thương giữa rừng, chỉ riêng Nhà tôi bị bắt về toàn vẹn - Xin tạ ơn Trời Phật - Tôi nghĩ và đứt từng đoạn ruột khi biết Anh phải chịu bao gông cùm, hành hạ, đọa đày; nhưng cũng tự an ủi: dù gì thì người yêu thương của mình vẫn còn đó, để có niềm tin, sau cơn mưa trời lại sáng, hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai, rồi sẽ có ngày đoàn tụ. Hoặc giả, một bản án tử hình, một ụ đất đắp cao, một trụ cây chôn đứng, thân xác chồng tôi vô tư ngã xuống sau tràng đạn thù oan nghiệt, thì tôi cũng đáp được cho chồng một nắm mồ, thấp cho chồng một nén nhang, và hàng năm biết ngày húy kỵ.

Sau hơn một năm gông cùm biệt giam, trong lần đầu được thăm nuôi trở lại, tôi đã bán hết những áo quần tương đối còn lành lặn của mình để cứu tẩm thân vô cùng tàn tạ của Nhà tôi: chàng thanh niên luôn vui tươi yêu đời, thân mình nở nang với những cuộn bắp thịt rắn chắc ngày xưa, bây giờ chỉ là bộ xương biết cử động dưới ánh mắt thật buồn và nụ cười đã héo hắt.

Những đêm trường thao thức đầy nước mắt, những xót xa lo sợ tẩm thân gầy guộc của Nhà tôi không tồn tại nổi với bao khắc nghiệt đói khát triền miên trong trại tù, đã là động lực giúp tôi mạnh dạn gởi hai con đại cho Ngoại và các cậu, để lao vào những công việc mà trong đời mình chưa hề làm, đến những nơi mình chưa hề tới. Từ việc lết la mua thúng bán mẹt ngoài

chợ, đến miệt mài trên những chuyến xe hàng, hay trốn chui trốn nhủi trên các toa tàu lửa, với vài chục mét vải, vài liếp thuốc Tây, vài chục ký gạo... lén lút mua từ vùng này bán sang vùng khác kiếm lời. Với chính sách “ngăn sông cấm chợ” ngu xuẩn của bọn cộng sản Việt Nam đã tạo nên một nền kinh tế kỳ quái và một thị trường cung cầu giả tạo, nên những hàng nhu yếu bình thường trên, biến thành “hàng lậu”; và bọn gọi là “công an kinh tế”, “quản lý thị trường” rình rập mọi nơi mọi lúc để đón bắt những hàng lậu đó. Quanh năm bốn mùa mưa nắng, tôi luôn ra đi khi trời chưa sáng, may mắn không bị bọn công an bắt hay chặn chốt dọc đường, thì về đến nhà khi các con đã yên giấc, không màng gian nan, không sợ thử thách, miễn sao lo được sự sống cho chồng.

Thời gian đã qua hơn nửa đời người, với “thương hải biến vi tang điền”, bề sâu biến thành ruộng dâu, tóc xanh bây giờ đã bạc, da căng bây giờ đã in hằn vết thời gian, ý chí bốn ba bây giờ đã cạn... ngòi nhớ lại những mắt mắt đau thương, những gian nan đọa đày của mình, và có lẽ, của rất nhiều những cô phụ từng là người yêu, người vợ lính, và võ ôn con trong chồng nơi chiến tuyến, và là những “kiếp cò lặn lội bờ sông” trong bao tháng năm băng rừng vượt suối nuôi chồng trong ngục tù cộng sản... mà lòng vẫn thấy bùi ngùi thương cho NHỮNG CÀNH HỒNG HỒNG TRƯỚC GIÓ . /.

Phu nhân CTSQ Trần Cảnh.